

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đảm bảo an ninh hàng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VPB (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Anh Tuấn**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG**  
**LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 94 /QĐ-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

<b>STT</b>	<b>Số hồ sơ TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	1.000574	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)	Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của	Cục Hàng không Việt Nam
2	1.000597	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)	Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ	
3	1.000452	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)	Xây dựng	
4	1.000465	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)		

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	
1	1.003378	Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hằng hàng không nước ngoài	Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng	Cục Hàng không Việt Nam	
2	1.003376	Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không			
3	1.002926	Cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không		- Cục Hàng không Việt Nam; - Cảng vụ hàng không.	
4	1.003373	Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không			
5	1.003364	Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không			
6	1.003328	Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay			- Cảng vụ hàng không; - Doanh nghiệp cảng.
7	1.003318	Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay			
8	1.003298	Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		cảng hàng không, sân bay		
9	1.003294	Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không		Cảng vụ hàng không

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

##### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam.

##### **b) Giải quyết TTHC:**

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị theo mẫu quy định, trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do.

#### **1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Thành phần:**

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- Tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện về việc đáp ứng yêu cầu theo quy định bao gồm:
  - + Danh sách trích ngang giáo viên;
  - + Báo cáo về cơ sở vật chất: Phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo;
  - + Báo cáo về chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học;
  - + Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

##### **b) Số lượng: 01 bộ.**

#### **1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.**

#### **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

#### **1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

##### **a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.**

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

**1.8. Phí, lệ phí:** 20.000.000 đồng/lần.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên quy định, tại Điều 25, 26 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP;

- Yêu cầu về chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định của pháp luật hiện hành.

\* Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Có tài liệu giải trình cơ sở vật chất đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Có tài liệu giải trình chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải bảo đảm đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy.

\* Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

- Có nghiệp vụ sư phạm theo pháp luật về giáo dục hoặc giáo dục nghề nghiệp.

### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**1.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:****1.12.1. Mẫu đơn của thủ tục hành chính****Mẫu số 05****TÊN CƠ SỞ:.....**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO,  
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không viết tắt (nếu có):

.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp số: .....

Do: ..... cấp ngày .... tháng .... năm ... tại .....

Lĩnh vực hoạt động chính: .....

Vốn điều lệ: ..... Số tài khoản: ..... Tại Ngân hàng: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website.....

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên: ..... Chức vụ: ..... Quốc tịch: .....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo,  
huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không: .....

- Địa chỉ cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

+ Cơ sở 1: ..... + Cơ sở 2: .....

được thành lập theo Quyết định số ....., ngày ..... của .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....



- Phạm vi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ: .....

- Quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ: .....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**1.13.2. Mẫu kết quả của thủ tục hành chính:**

**BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM  
MINISTRY OF TRANSPORT  
CIVIL AVIATION AUTHORITY  
OF VIET NAM**

**Mẫu số 07**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/ N°: /GCN-CHK

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN  
NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG  
CERTIFICATE OF COMPETENCE TO PROVIDE PROFESSIONAL  
TRAINING FOR AVIATION PERSONNEL  
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN  
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM  
CERTIFIES THAT**

**Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ**

.....  
Đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại  
..... với (các) chức danh:

**Training Organization**

.....  
Is qualified to provide professional training for aviation personnel in accordance with  
..... for the following position

(s):

.....  
*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...*  
*Ha Noi, day ... month ... year 20...*

**CỤC TRƯỞNG  
DIRECTOR GENERAL**

Số QĐ/Decision N°: ...../QĐ-CHK

*Có giá trị từ ngày (Validity from):*

*..... đến ngày (to): .....*

## **2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan; cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận bằng văn bản, nêu rõ lý do.

### **2.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Các hình thức phù hợp khác.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần:**

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy chứng nhận (nếu có).

#### **b) Số lượng: 01 bộ**

### **2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

### **2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

### **2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

#### **a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.**

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

**2.8. Phí, lệ phí:**

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 15.000.000 đồng/lần.

- Cấp lại do mất, rách, hỏng: 2.400.000 đồng/lần.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả TTHC:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên quy định, tại Điều 25, 26 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP;

- Yêu cầu về chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định pháp luật hiện hành.

\* Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Có tài liệu giải trình cơ sở vật chất đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không theo quy định pháp luật hiện hành.

- Có tài liệu giải trình chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định pháp luật hiện hành.

- Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải bảo đảm đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy.

\* Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

- Có nghiệp vụ sư phạm theo pháp luật về giáo dục hoặc giáo dục nghề nghiệp.

### **2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**2.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:****2.12.1. Mẫu đơn của thủ tục hành chính**

Mẫu số 06

TÊN CƠ SỞ:.....  
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN  
LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (ghi bằng chữ in hoa):  
.....Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không viết tắt (nếu có): .....  
.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Đại diện theo pháp luật:.....

Họ và tên: ..... Chức vụ: ..... Quốc tịch: .....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/sửa đổi/bổ sung nội dung Giấy chứng nhận  
cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không: .....  
.....

- Giấy chứng nhận được cấp số: ..... ngày ..... nơi cấp .....

- Lý do xin cấp lại: .....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên  
quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng  
nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)*

### 2.13.1 Mẫu kết quả của thủ tục hành chính

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM  
MINISTRY OF TRANSPORT  
CIVIL AVIATION AUTHORITY  
OF VIET NAM

Mẫu số 07  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/ N°: /GCN-CHK

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN  
NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG  
CERTIFICATE OF COMPETENCE TO PROVIDE PROFESSIONAL  
TRAINING FOR AVIATION PERSONNEL  
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN  
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM  
CERTIFIES THAT

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ

Đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại  
với (các) chức danh:

**Training Organization**

Is qualified to provide professional training for aviation personnel in accordance with  
for the following position

(s):

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...  
Ha Noi, day ... month ... year 20...

**CỤC TRƯỞNG**  
**DIRECTOR GENERAL**

Số QĐ/Decision N°: ...../QĐ-CHK

Có giá trị từ ngày (Validity from):

..... đến ngày (to): .....

### **3. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)**

#### **3.1. Trình tự thực hiện**

##### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

##### a) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo mẫu. Trường hợp không cấp giấy phép Cục Hàng không Việt Nam phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

#### **3.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao tài liệu giải trình của doanh nghiệp về việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP;
- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản xác nhận vốn trừ trường hợp doanh nghiệp có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ hàng không liên quan tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

##### b) Số lượng: 01 bộ.

#### **3.4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**

#### **3.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:**

##### a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

##### b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực



hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

**3.8. Phí, lệ phí:**

- Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế: 50.000.000 đồng

- Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác: 30.000.000 đồng

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả TTHC:**

- Tờ khai cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

**3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP.

\* Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;

- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;

- Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.

\* Doanh nghiệp cảng hàng không cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa không phải đáp ứng điều kiện quy định về mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp.

\* Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7

năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**3.12. Mẫu tờ khai và kết quả của thủ tục hành chính:****3.12.1 Mẫu tờ khai của thủ tục hành chính****TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ....

V/v đề nghị cấp/cấp lại

**TỜ KHAI CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ .....

Căn cứ .....

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật<sup>1</sup> (ngày tháng năm sinh, giới tính, Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị<sup>2</sup>: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

**GIÁM ĐỐC****Ghi chú:**<sup>1</sup> Đối với công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai thông tin về giới tính.<sup>2</sup> Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

**3.12.2. Mẫu kết quả của thủ tục hành chính**

<p style="text-align: center;"><b>BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b> -----</p>	<p style="text-align: center;"><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> -----</p>
<p>Số: .../GPCCDV-CHK</p>	
<p><b>GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</b></p> <p style="text-align: center;">Cấp lần đầu: .....</p> <p style="text-align: center;">Cấp lần thứ .....: .....</p>	
<p><b>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>...</p>	
<p><b>PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>GHI CHÚ:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....</p>	<p style="text-align: center;"><b>CỤC TRƯỞNG</b></p>

## **4. Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)**

### **4.1. Trình tự thực hiện**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; trường hợp không cấp phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại.

### **4.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.

### **4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).

#### b) Số lượng: 01 bộ.

### **4.4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

### **4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**

### **4.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

**4.8. Phí, lệ phí:**

a) Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 30.000.000 đồng;
- Cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng.

b) Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 20.000.000 đồng;
- Cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng.

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả TTHC:**

- Tờ khai cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

**4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP.

\* Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.

\* Doanh nghiệp cảng hàng không cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa không phải đáp ứng điều kiện quy định về mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp.

\* Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

**4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ

về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**4.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:****4.12.1 Mẫu tờ khai****TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ....

V/v đề nghị cấp lại

**TỜ KHAI CẤP LẠI GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ .....

Căn cứ .....

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật<sup>1</sup> (ngày tháng năm sinh, giới tính, Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị<sup>2</sup>: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

**GIÁM ĐỐC****Ghi chú:**

<sup>1</sup> Đối với công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai thông tin về giới tính.

<sup>2</sup> Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.



**4.12.2. Mẫu kết quả của thủ tục hành chính**

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: .../GPCCDV-CHK	
<b>GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</b> Cấp lần đầu: ..... Cấp lần thứ .....: .....	
<b>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:</b> ..... .....	
<b>SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG</b> ..... .....	
<b>CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:</b> ..... .....	
<b>LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:</b> ..... .....	
<b>PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ</b> ..... .....	
<b>GHI CHÚ:</b> ..... .....	